TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2022/DS-ST
Ngày: 20-9-2022.
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoa Kiều.

Ông Trần Văn Bé Ba.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp TP, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị HN, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp ĐP, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ liên hệ: thị trấn CG, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Bị đơn:

- Anh Trần VL, sinh năm 1972 (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Lac L, sinh năm 1976 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp TT, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị HN trình bày: Bà N và vợ chồng anh VL, chị L là chỗ quen biết nên bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn tiền, các số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 20/10/2019 âm lịch (tức ngày 16/11/2019 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 83.000.000 đồng.

- Ngày 20/7/2020 âm lịch (tức ngày 07/9/2020 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 20.000.000 đồng.

- Ngày 19/8/2020 âm lịch (tức ngày 05/10/2020 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 50.000.000 đồng.

- Ngày 07/12/2020 âm lịch (tức ngày 19/01/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 20.000.000 đồng.

- Ngày 08/12/2020 âm lịch (tức ngày 20/01/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 20.000.000 đồng.

- Ngày 17/12/2020 âm lịch (tức ngày 29/01/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 30.000.000 đồng.

- Ngày 27/12/2020 âm lịch (tức ngày 08/02/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 50.000.000 đồng.

- Ngày 03/11/2020 âm lịch (tức ngày 16/12/2020 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 200.000.000 đồng.

- Ngày 25/01/2021 âm lịch (tức ngày 08/03/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 50.000.000 đồng.

- Ngày 02/02/2021 âm lịch (tức ngày 14/03/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 30.000.000 đồng.

- Ngày 18/02/2021 âm lịch (tức ngày 30/03/2021 dương lịch) bà N có cho

vợ chồng anh VL, chị L mượn 30.000.000 đồng.

- Ngày 19/02/2021 âm lịch (tức ngày 31/03/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 100.000.000 đồng.

- Ngày 25/02/2021 âm lịch (tức ngày 06/4/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 7.000.000 đồng.

- Ngày 01/3/2021 âm lịch (tức ngày 12/4/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 70.000.000 đồng.

- Ngày 23/03/2021 âm lịch (tức ngày 01/5/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 50.000.000 đồng.

- Ngày 17/4/2021 âm lịch (tức ngày 28/5/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 50.000.000 đồng, cũng trong ngày 17/4/2021 âm lịch, tiếp tục mượn của bà N số tiền 150.000.000 đồng.

- Ngày 19/4/2021 âm lịch (tức ngày 30/5/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 30.000.000 đồng.

- Ngày 25/05/2021 âm lịch (tức ngày 04/7/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 20.000.000 đồng.

- Vào tháng 09/2021 âm lịch (tức tháng 10/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 40.000.000 đồng.

- Vào tháng 10/2021 âm lịch (tức tháng 11/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 60.000.000 đồng.

- Vào tháng 11/2021 âm lịch (tức tháng 12/2021 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 60.000.000 đồng.

- Vào tháng 12/2021 âm lịch (tức tháng 01/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 60.000.000 đồng.

- Vào tháng 01/2022 âm lịch (tức tháng 02/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 60.000.000 đồng.

- Ngày 23/01/2022 âm lịch (tức ngày 23/02/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 80.000.000 đồng.

- Ngày 04/02/2022 âm lịch (tức ngày 06/03/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 30.000.000 đồng.

- Ngày 14/02/2022 âm lịch (tức ngày 16/03/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 30.000.000 đồng.

- Vào tháng 02/2022 âm lịch (tức tháng 03/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 60.000.000 đồng.

- Vào tháng 03/2022 âm lịch (tức tháng 04/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 60.000.000 đồng.

- Vào tháng 04/2022 âm lịch (tức tháng 05/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 60.000.000 đồng.

- Vào tháng 05/2022 âm lịch (tức tháng 06/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 60.000.000 đồng.

- Vào tháng 06/2022 âm lịch (tức tháng 07/2022 dương lịch) bà N có cho vợ chồng anh VL, chị L mượn 60.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh VL và chị L nợ bà N là 1.830.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận miệng lãi là 3%/tháng, trong quá trình vay bà Lin và ông Lâm chỉ trả cho bà N một tháng lãi đối với số tiền mượn 83.000.000 đồng vào ngày 20/10/2019 âm lịch. Bà N đã nhiều lần đòi nhưng vợ chồng anh VL chị L không trả cho bà N vốn và lãi nào khác.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu buộc anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L liên đới trả cho bà N số tiền nợ là 1.830.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Trần VL: Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần VL biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng anh Trần VL vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị HN yêu cầu Tòa án buộc anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L liên đới trả cho bà N số tiền nợ là 1.300.000.000 đồng, xin rút yêu cầu về việc buộc anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L liên đới trả cho bà N số tiền nợ là 530.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Lac L thừa nhận chị và anh VL còn nợ bà N số tiền 1.300.000.000 đồng và đồng ý trả cho Nguyễn Thị N số tiền 1.300.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Việc nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Nguyễn Lac L và Trần VL trả số tiền còn nợ là 1.300.000.000 đồng, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Nguyễn Lac L và Trần VL trả số tiền 530.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn anh Trần VL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần VL là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết buộc anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L phải trả cho bà N số tiền vay là 1.830.000.000 đồng. Anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L cư trú tại ấp TT, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và quan hệ pháp luật tranh chấp là "hợp đồng vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

[2.1.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Lac L và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị HN thống nhất số tiền chị Nguyễn Lac L và anh Trần VL còn nợ bà N là 1.300.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án buộc anh VL và chị L trả cho bà N số tiền là 1.300.000.000 đồng; xin rút yêu cầu về việc buộc anh VL và chị L trả số tiền 530.000.000 đồng.

Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định chị Nguyễn Lac L và anh Trần VL có nợ bà Nguyễn Thị N số tiền là 1.300.000.000 đồng.

Do đó cần buộc chị Nguyễn Lac L và anh Trần VL có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 1.300.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N.

[2.1.2] Anh Trần VL vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về phần lãi đã trả: Các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L trả số tiền nợ là 530.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L trả số tiền 530.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 530.000.000 đồng.

Hậu quả pháp lý: Bà Nguyễn Thị N được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 33.450.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0024947 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Anh Trần VL và chị Nguyễn Lac L phải chịu 51.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương Dung